

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-10-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Ông Lê Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim Q**, sinh năm 1988; nơi đăng ký khẩu thường trú: **Số 38/291 Đ, Cụm 6, phường Đ, quận N, Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 41B1, H, tổ dân phố P6, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.**

- Bị đơn: **Anh Lương Thanh B**, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm 22, xã Đ, K, Hưng Yên; nơi ở hiện nay: Số 21/26/31 P6, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

Chị và anh Lương Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống **được một thời gian thì phát** sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng anh B không tâm lý quan tâm đến chị, còn bạo lực gia đình đánh chị. Điều này làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2020, anh B sang Hồng Kông lao động. Thời gian xa cách, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai, nên khi anh B trở về, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh trầm trọng khiến chị phải chuyển về nhà bố mẹ để tiếp tục sống ly thân với anh B. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2009 và Lương Nguyễn Đăng H, sinh ngày 10/9/2011. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung Lương Thanh T cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Lương Nguyễn Đăng H cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Vì chị mong muốn chia sẻ trách nhiệm nuôi dưỡng con chung với anh B. Hơn nữa, hiện nay chị và anh B đều không có việc làm ổn định, nếu để một người nuôi cả hai con chung là không đảm bảo cho các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị và anh B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Thanh B vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh B đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh B không đến. Tại bản tự khai giao nộp cho Tòa án, anh B trình bày như sau:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, về con chung cũng như tài sản chung như lời trình bày của chị Q là đúng. Sau khi kết hôn được một thời gian, anh sang nước ngoài lao động được khoảng 4 năm, từ đó vợ chồng xa cách ít có thời gian gần nhau nên tình cảm nhạt phai theo thời gian. Nay chị Q có đơn ly hôn với anh, anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị Q nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Q có 02 con chung là Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2009 và Lương Nguyễn Đăng H, sinh ngày 10/9/2011. Trường hợp ly hôn,

anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Q không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi chị Q và anh B sinh sống là đúng với thực tế mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau.

Theo ý kiến của cháu Lương Thanh T và cháu Lương Nguyễn Đăng H (con chung của chị Q và anh B): Trường hợp bố mẹ ly, hôn cháu T có nguyện vọng được sống với chị Q; cháu H có nguyện vọng được sống với anh B.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Q về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q được ly hôn anh B.
- Về nuôi dưỡng con: Giao con chung là Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2009 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; Giao con chung là và Lương Nguyễn Đăng H, sinh ngày 10/9/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.
- Về cấp dưỡng nuôi con : Chị Q và anh B không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Chị Q và anh B không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.
- Về án phí: Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh **Lương Thanh B**, hiện cư trú tại số nhà **21/26/31 Phương Lưu 1, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lương Thanh B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Q** và anh **B** tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q và anh B đã trầm trọng, kéo dài. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cũng do tính chất công việc nên vợ chồng xa cách ít có thời gian gần nhau dẫn đến tình cảm nhạt phai. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau. Trên thực tế quan hệ hôn nhân của chị Q và anh B đã không còn tồn tại, không đạt được mục đích của hôn nhân. Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B.

Xét việc anh B **không** đồng ý ly hôn với chị Q nhưng lại không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập. **Điều đó cho thấy anh B cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân và không còn thiết tha tình cảm vợ chồng.** Như vậy, việc chị Q yêu cầu xin ly hôn với anh B là có căn cứ, đúng thực tế mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Q và anh B có 02 con chung là Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2009 và Lương Nguyễn Đăng H, sinh ngày 10/9/2011. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu giao cháu T cho chị Q nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh B nuôi dưỡng; anh B yêu cầu khi ly hôn giao cả hai con chung cho anh B nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét chị Q và anh B đều có điều kiện nuôi con. Hiện nay, cả hai không có việc làm ổn định, thu nhập kinh tế khó khăn. Do đó, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ chia sẻ trách nhiệm cho mỗi bên trong việc nuôi con; cũng như không làm xáo trộn việc ăn ở sinh hoạt của các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Lương Thanh T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lương Nguyễn Đăng H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu. Do đó, căn cứ các điều 81, 82

và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng nuôi con chung của chị Q; không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh B.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Q và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; **điểm a khoản 5** Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Q được ly hôn anh Lương Thanh B.

2. Về nuôi con chung:

+ Giao con chung là Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

+ Giao con chung là và Lương Nguyễn Đăng H, sinh ngày 10/9/2011 cho anh Lương Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Chị Q và anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí : Chị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Q đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số 0018142, ngày 04 tháng 8 năm 2021.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh